

Số: **105** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **07** tháng **8** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền



hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 438/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Khuyến nông (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động khuyến nông về sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, dịch vụ khuyến nông và môi trường; tổ chức khảo, kiểm nghiệm các loại giống cây trồng mới, giống tiến bộ kỹ thuật và các loại phân bón; các hoạt động về giống nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng; tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ sơ cấp nghề và tổ chức xây dựng, thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với nghề nông nghiệp, thủy sản và ngành nghề nông thôn được phép đào tạo.

2. Trung tâm Khuyến nông có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được bố trí trụ sở làm việc và mở tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Trung tâm Khuyến nông tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ:

1. Về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông, giống nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông, giống nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông nghiệp công nghệ cao và môi trường; tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ký hợp đồng khuyến nông với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và môi trường trên địa bàn thành phố, trong nước và hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án khuyến nông theo quy định của pháp luật.
6. Hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông đối với các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông.
7. Chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn khuyến nông; tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên khuyến nông các cấp và nông dân, ngư dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
8. Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật.
9. Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông.
10. Tư vấn và cung cấp dịch vụ khuyến nông, thông tin thị trường, giá cả, kết nối cung cầu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật, xây dựng mô hình tổ chức sản xuất, bảo vệ môi trường.
11. Tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định pháp luật.
12. Phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các địa phương trong công tác chỉ đạo sản xuất, bảo vệ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, thiên tai và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
13. Quản lý, sử dụng Quỹ hoạt động khuyến nông (nếu có) theo quy định của pháp luật.
14. Thực hiện hợp tác quốc tế về khuyến nông theo quy định của pháp luật.
15. Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án về khuyến nông theo quy định.
16. Tiếp nhận, nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, ngành nghề nông thôn và môi trường; công nghệ tiên tiến trong nước và quốc tế về sản xuất giống nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường.
17. Tổ chức khảo, kiểm nghiệm các loại giống cây trồng mới, giống tiến bộ kỹ thuật và các loại phân bón theo chỉ định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo đặt hàng của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; Đánh giá và lựa chọn những giống mới, những tiến bộ kỹ thuật mới để đưa ra những kết luận và những giải pháp kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; Thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về khảo, kiểm nghiệm giống cây trồng mới theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
18. Bảo tồn, lưu giữ, nhân các loại giống nông, lâm nghiệp, thủy sản.



19. Khảo sát, thiết kế, thi công, tổ chức thực hiện các dự án, đề án nông, lâm nghiệp, thủy sản và môi trường theo quy định của pháp luật.

20. Sản xuất, dịch vụ, cung cấp các loại giống cây trồng, con vật nuôi; tư vấn dịch vụ các vật tư kỹ thuật, máy móc, thiết bị cho sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được giao và nhu cầu thị trường.

21. Thực hiện chuyển đổi số và cải cách hành chính; quản lý, sử dụng viên chức, người lao động, vị trí việc làm, tài chính, cơ sở vật chất, đất đai, tài sản và các nguồn lực khác thuộc Trung tâm Khuyến nông; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực công tác được giao.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Trung tâm Khuyến nông:

a) Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông gồm có: Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm và các công việc được Giám đốc Sở phân công hoặc ủy quyền.

c) Phó Giám đốc là cấp phó của người đứng đầu Trung tâm phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác có liên quan đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông thực hiện theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền, phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Đào tạo và Thông tin;

c) Phòng Khuyến ngư;

d) Phòng Kỹ thuật nông nghiệp.

3. Các trại thực nghiệm:

a) Trại Khảo nghiệm;

b) Trại Thực nghiệm và Sản xuất.

4. Các trạm khuyến nông:

a) Trạm Khuyến nông Khu vực 1;

- b) Trạm Khuyến nông Khu vực 2;
- c) Trạm Khuyến nông Khu vực 3;
- d) Trạm Khuyến nông Khu vực 4;
- đ) Trạm Khuyến nông Khu vực 5;
- e) Trạm Khuyến nông Khu vực 6.

Các phòng, trạm, trại có trưởng phòng, trạm trưởng, trại trưởng và phó trưởng phòng, phó trạm trưởng, phó trại trưởng. Số lượng phó trưởng phòng, phó trạm trưởng, phó trại trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Số người làm việc

1. Số lượng người làm việc của Trung tâm Khuyến nông được giao trên cơ sở vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm, nằm trong tổng số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, tính chất, đặc điểm tình hình và khối lượng công việc, Trung tâm xây dựng kế hoạch số người làm việc báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định giao số người làm việc theo quy định.

2. Căn cứ quy định và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, Trung tâm Khuyến nông xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ quy định của pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông triển khai thi hành Quyết định này.

2. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông:

Ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, trạm, trại theo quy định; ban hành các quy chế, quy định của Trung tâm Khuyến nông để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, viên chức của Trung tâm Khuyến nông đảm



bảo phù hợp theo tiêu chuẩn, vị trí việc làm.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quyết định, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn đại biểu QH TP HP;
- Các Sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Các Phòng: NVKTGS, NC, NN&MT;
- Lưu:VT, NVKTGS, V.H.Nam.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu